UBND TỈNH TUYÊN QUANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 609A/QĐ- ĐHTT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình: Công tác xã hội

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công tác xã hội

Mã số: 7760101

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội có mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Công tác xã hội có hiểu biết rộng rãi về các vấn đề xã hội, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn để giải quyết các vấn đề xã hội và thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Sau khi tốt nghiệp ngành Công tác xã hội, người học phải đạt được các yêu cầu sau:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Hiểu được kiến thức chung về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MácLênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam; có kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục An ninh - Quốc phòng để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và các kiến thức liên ngành của các ngành gần vào lĩnh vực công tác xã hội.
CĐR 2	Hiểu và vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề Công tác xã hội; Có khả năng nghiên cứu, phát hiện và trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết những vấn đề xã hội. Đặc biệt, sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong các lĩnh vực công tác xã hội với trẻ em, người khuyết tật, các nhóm đối tượng yếu thế, gia đình và trường học, để giúp đỡ cá nhân, nhóm và cộng đồng chịu thiệt thòi trong xã hội... tự vươn lên giải quyết những khó khăn, đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của chính mình.

CĐR 3	Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin) và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội. Có trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên.
CĐR 4	Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 5	Có kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong quá trình trợ giúp; Có khả năng lựa chọn biện pháp can thiệp phù hợp với từng thân chủ dựa trên kết quả đánh giá thực tế, dựa trên các giá trị văn hoá - xã hội và sự ưu tiên theo hệ thống các mối quan hệ của thân chủ. Biết cách vận dụng những hiểu biết về quyền con người, về sự công bằng trong kinh tế - xã hội nhằm biện hộ và bảo vệ thân chủ.
CĐR 6	Áp dụng được các biện pháp can thiệp cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng dựa trên thông tin thu thập được từ thực tế nhằm đạt được nhiều mục đích đề ra theo hệ thống các mối quan hệ của thân chủ. Đánh giá được tác động của từng chính sách đến các cá nhân thân chủ, đồng thời tham mưu, tư vấn, khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung chính sách theo hướng đảm bảo lợi ích cho họ.
CĐR 7	Có kỹ năng thu hút, vận động sự tham gia của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; huy động và điều phối sự tham gia đó vào quá trình thực hành nghề. Có kỹ năng tham gia các hoạt động thúc đẩy công bằng về kinh tế và xã hội
CĐR 8	Có kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu vào nghiên cứu khoa học CTXH; sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực hành CTXH.
Kỹ năng mềm	
CĐR 9	SV có kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, xử lí tình huống; kỹ năng trình bày và truyền thông; kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thông tin.
CĐR 10	SV có kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo; kỹ năng nghiên cứu và tổng hợp văn bản, tài liệu; kỹ năng viết và trình bày báo cáo khoa học, báo cáo công việc.
CĐR 11	SV có kỹ năng tự học tự nghiên cứu phát triển bản thân; có khả năng thích nghi tốt với môi trường làm việc năng động, sáng tạo.
Về thái độ, năng lực tự chủ	

CĐR 12	SV có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, yêu quê hương, đất nước, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của ngành.
CĐR 13	SV có lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỉ luật tốt, phong cách làm việc khoa học, tự giác, chủ động, năng động, sáng tạo, khiêm tốn, cầu tiến trong học tập và rèn luyện; Có thái độ làm việc khoa học, trung thực, thái độ khách quan khi xử lý các công việc đặc thù của ngành công tác xã hội; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	
CĐR 14	Là cán bộ cung ứng dịch vụ và làm công tác xã hội tại các cơ sở và tổ chức xã hội như: Các hội bảo trợ xã hội của mọi thành phần kinh tế từ trung ương đến địa phương; Các trung tâm nuôi dưỡng chăm sóc người có công với đất nước, người già cô đơn, người khuyết tật, trẻ em mồ côi; Các trung tâm giáo dưỡng và phục hồi nhân phẩm cai nghiện ma tuý, trại cải tạo; Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, cộng đồng ở thành thị và nông thôn.
CĐR 15	Làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, văn hoá - xã hội, giáo dục, pháp luật, tín ngưỡng tôn giáo, môi trường, an sinh xã hội, dân số, sức khoẻ, truyền thông...
CĐR 16	Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, các trung tâm, dự án phát triển xã hội; Làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo có liên quan đến Công tác xã hội;
Khả năng phát triển và nâng cao trình độ	
CĐR 17	Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành Công tác xã hội, Xã hội học, Giáo dục Chính trị và các ngành gần với chuyên ngành Công tác xã hội. Có đủ khả năng học tập, nghiên cứu ở mức độ chuyên sâu các nội dung Công tác xã hội để trở thành chuyên gia độc lập trong lĩnh vực này.

3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng							Thái độ		VTVL SKTN			KN HT NCTĐ
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17
A. Kiến thức giáo dục đại cương																		
I. Lý luận chính trị																		
LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1			1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	2
LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	2	1			1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	2
LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1			1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	2
LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1			1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	2
II. Ngoại ngữ																		
NN2.1.001.3	Tiếng Anh (1)	1		2	2					2	2	2	1	1	2	2	2	2
NN2.1.002.2	Tiếng Anh (2)	1		2	2					2	2	2	1	1	2	2	2	2
NN2.1.003.2	Tiếng Anh (3)	1		2	2					2	2	2	1	1	2	2	2	2
III. Tin học																		
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2		2	1				2	2	2	2	1	1	2	2	2	2
IV. Khoa học tự nhiên																		
TN2.1.407.2	Xác suất thống kê B	2		2	1				2	2	2	2	1	1	2	2	2	2
V. Khoa học Xã hội và Nhân văn																		
LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	2			2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	2
LL2.1.008.2	Logic học đại cương	2	1			1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	1			2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	1	2
VD3.1.001.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	2	1	1	1	1		2	2	2	2	1	1	1	1	1
XH2.1.001.2	Tiếng việt thực hành	1	1	2	1	1	1	1		2	2	2	2	1	1	1	1	1
XH2.1.007.2	Lịch sử văn minh thế giới	1	1	2	1	1	1	1		2	2	2	2	1	1	1	1	1
VI. Giáo dục thể chất (GDTC)																		
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.002.3	GDTC 2 (Bóng đá 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng							Thái độ		VTVL SKTN			KN HT NCTĐ
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17
TC2.1.003.3	GDTC 2 (Bóng bàn 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.004.3	GDTC (Bóng chuyền 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.005.3	GDTC 2 (Cầu lông 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.006.3	GDTC 2 (Võ thuật 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.007.3	GDTC 2 (Điền kinh 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.017.3	GDTC2(Bóng rổ 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.020.3	GDTC2(Bơi 1)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.008.2	GDTC 3 (Bóng đá 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.009.2	GDTC 3 (Bóng bàn 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.010.2	GDTC 3 (Bóng chuyền 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.011.2	GDTC 3 (Cầu lông 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.012.2	GDTC 3 (Võ thuật 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.013.2	GDTC 3 (Điền kinh 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.018.2	GDTC3(Bóng rổ 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.021.2	GDTC3(Bơi 2)	2		2	2					2		1	2	2	1	1	1	1
VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh																		
TC2.1.014.3	Giáo dục QP-AN	2		2	2					2	1	1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.015.2	Giáo dục QP-AN 2	2		2	2					2	1	1	2	2	1	1	1	1
TC2.1.016.3	Giáo dục QP-AN 3	2		2	2					2	1	1	2	2	1	1	1	1
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																		
I. Kiến thức cơ sở ngành																		
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.019.2	Sức khỏe cộng đồng	2	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.022.2	Đạo đức trong CTXH	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội	1	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.025.2	Tâm lý học phát triển	1	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.026.2	Nhập môn CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng							Thái độ		VTVL SKTN			KN HT NCTĐ
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17
TL2.1.059.2	Lý thuyết trong CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.064.2	Phương pháp nghiên cứu trong CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.017.2	Giáo dục gia đình	2	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.096.2	Giáo dục đặc biệt	2	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.00.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	2	1	1	1	1		2	2	2	1	1	1	1	1	1
TL2.1.063.2	Tâm lý học sáng tạo	1	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	1
II. Kiến thức ngành																		
TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp	1	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính	1	2	2	1	1	1	1		2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.023.2	Gia đình học	1	2	2	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.027.2	Chính sách xã hội	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.028.2	Giáo dục kỹ năng sống	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.035.2	Tâm lý học dân tộc	2	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.040.2	Quản trị ngành CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.060.2	Tâm lý học quản lý	1	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.062.2	Tâm lý học tôn giáo	1	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.090.2	Dân số và phát triển	1	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.061.2	Tôn giáo học đại cương	2	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.094.2	Tâm bệnh học	1	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.018.2	Tâm lí học giao tiếp xã hội	1	2	2	1	1	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.058.2	Hành vi con người và môi trường xã hội	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
III. Kiến thức chuyên ngành																		

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng							Thái độ		VTVL SKTN			KN HT NCTĐ
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR 17
TL2.1.029.2	Giới và phát triển	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.030.3	CTXH cá nhân	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.031.3	CTXH nhóm	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.033.2	Thiết kế dự án phát triển cộng đồng	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.034.3	Tham vấn trong CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.036.3	Thực hành CTXH cá nhân	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.037.3	Thực hành CTXH nhóm	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.038.3	Thực hành CTXH với cộng đồng	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.039.2	CTXH trẻ em	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.041.2	Kiểm huấn trong CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.043.2	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.047.2	CTXH người nghèo	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.049.2	CTXH trong trường học	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.050.2	CTXH với người khuyết tật	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Tl2.1.054.3	Quản lí dự án CTXH	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.042.2	CTXH gia đình	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.044.2	CTXH người cao tuổi	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.045.2	CTXH hành vi lệch chuẩn	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.1.048.2	CTXH dân tộc thiểu số	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
IV. Thực tập																		
TL2.2.051.3	Thực tập 1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.2.052.5	Thực tập 2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																		
TL2.2.053.2	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng							Thái độ		VTVL SKTN			KN HT NCTĐ
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR 17
TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.2.055.2	CT dân số và sức khỏe sinh sản	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TL2.2.057.2	CTXH phòng chống tệ nạn XH & tội phạm	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 132 (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)																		

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục đại cương: 27
- Kiến thức cơ sở ngành: 24
- Kiến thức ngành: 22
- Kiến thức chuyên ngành: 45
- Thực tập:8
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp: 6

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

6. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương. Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT *(ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);*

Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ *(Ban hành kèm theo quyết định số* 1838/QĐ-ĐHTT ngày 28/9/2015, được sửa đổi, bổ sung theo

Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

8. Thang điểm

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT *(ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

9. Nội dung chương trình

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
A. Kiến thức giáo dục đại cương								
I. Lý luận chính trị			**10**					
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	20	10		2	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	31	14		3	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		2	
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	31	14		3	
II. Ngoại ngữ			**7**					
5	NN2.1.001.3	Tiếng Anh (1)	3	21	24		3	
6	NN2.1.002.2	Tiếng Anh (2)	2	14	16		2	
7	NN2.1.003.2	Tiếng Anh (3)	2	14	16		2	
III. Tin học			**2**					
8	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		2	
IV. Khoa học tự nhiên			**2**					
9	TN2.1.407.2	Xác suất thống kê B	2	15	15		2	
V. Khoa học Xã hội và Nhân văn			**6**					
Học phần bắt buộc			**4**					
10	LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	14	16		2	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
11	LL2.1.008.2	Logic học đại cương	2	14	16		2	
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 tín chỉ)			**2**					
12	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	14	16			2
13	VD3.1.001.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	14	16			2
14	XH2.1.007.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	24	6			2
15	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	14	16			2
VI. Giáo dục thể chất								
16	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	6		24	2	
Học phần tự chọn 1 (chọn 3 trong 18 tín chỉ)								
17	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		3
18	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		3
19	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4		41		3
20	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	4		41		3
21	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		43		3
22	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	4		41		3
Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 6 học phần)								
23	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	2		28		2
24	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2	2		28		2
25	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2			30		2
26	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	2		28		2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
27	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		2
28	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2		28		2
VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh								
29	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45				
30	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30				
31	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	3	17		28		
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I. Kiến thức cơ sở ngành			**24**					
Kiến thức bắt buộc			**16**					
32	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	15	15		2	
33	TL2.1.019.2	Sức khỏe cộng đồng	2	15	15		2	
34	TL2.1.022.2	Đạo đức trong công tác xã hội	2	15	15		2	
35	TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội	2	15	15		2	
36	TL2.1.025.2	Tâm lý học phát triển	2	15	15		2	
37	TL2.1.026.2	Nhập môn công tác xã hội	2	14	16		2	
38	TL2.1.059.2	Lý thuyết trong công tác xã hội	2	15	15		2	
39	TL2.1.064.2	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	2	14	16		2	
Kiến thức tự chọn (chọn 8 trong 10 tín chỉ)			**8**					
40	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	15	15			2
41	TL2.1.017.2	Giáo dục gia đình	2	15	15			2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
42	TL2.1.096.2	Giáo dục đặc biệt	2	15	15			2
43	TL2.1.00.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15			2
44	TL2.1.063.2	Tâm lý học sáng tạo	2	14	16			2
II. Kiến thức ngành			**22**					
Kiến thức bắt buộc			**20**					
45	TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp	2	15	15		2	
46	TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính	2	15	15		2	
47	TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2	14	16		2	
48	TL2.1.023.2	Gia đình học	2	15	15		2	
49	TL2.1.027.2	Chính sách xã hội	2	15	15		2	
50	TL2.1.028.2	Giáo dục kỹ năng sống	2	13	17		2	
51	TL2.1.035.2	Tâm lý học dân tộc	2	15	15		2	
52	TL2.1.040.2	Quản trị ngành công tác xã hội	2	16	14		2	
53	TL2.1.060.2	Tâm lý học quản lý	2	15	15		2	
54	TL2.1.062.2	Tâm lý học tôn giáo	2	15	15		2	
Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 10 tín chỉ)			**2**					
55	TL2.1.090.2	Dân số và phát triển	2	14	16			2
56	TL2.1.061.2	Tôn giáo học đại cương	2	15	15			2
57	TL2.1.094.2	Tâm bệnh học	2	15	15			2
58	TL2.1.018.2	Tâm lí học giao tiếp xã hội	2	15	15			2
59	TL2.1.058.2	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	15	15			2
III. Kiến thức chuyên ngành			**45**					
Kiến thức bắt buộc			**39**					

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
60	TL2.1.029.2	Giới và phát triển	2	14	16		2	
61	TL2.1.030.3	Công tác xã hội cá nhân	3	22	23		3	
62	TL2.1.031.3	Công tác xã hội nhóm	3	20	25		3	
63	TL2.1.033.2	Thiết kế dự án phát triển cộng đồng	3	22	23	6	2	
64	TL2.1.034.3	Tham vấn trong công tác xã hội	3	22	23		3	
65	TL2.1.036.3	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3	8	37		3	
66	TL2.1.037.3	Thực hành công tác xã hội nhóm	3	12	33		3	
67	TL2.1.038.3	Thực hành công tác xã hội với cộng đồng	3	11	9	25	3	
68	TL2.1.039.2	CTXH trẻ em	2	15	15		2	
69	TL2.1.041.2	Kiểm huấn trong công tác xã hội	2	15	15		2	
70	TL2.1.043.2	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	2	15	15		2	
71	TL2.1.047.2	Công tác xã hội người nghèo	2	10	20		2	
72	TL2.1.049.2	Công tác xã hội trong trường học	3	15	25		2	
73	TL2.1.050.2	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	15	15		2	
74	Tl2.1.054.3	Quản lí dự án công tác xã hội	3	15	15			
Kiến thức tự chọn (chọn 6 trong 8 tín chỉ)			**6**					
75	TL2.1.042.2	Công tác xã hội gia đình	2	15	15			2
76	TL2.1.044.2	Công tác xã hội người cao tuổi	2	12	18			2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
77	TL2.1.045.2	Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn	2	14	16			2
78	TL2.1.048.2	Công tác xã hội dân tộc thiểu số	2	14	17			2
C. Thực tập			**8**					
79	TL2.2.051.3	Thực tập 1	4				4	
80	TL2.2.052.5	Thực tập 2	4				4	
D. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**				6	
81	*Khóa luận tốt nghiệp*		6					
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/9 tín chỉ)								
82	TL2.2.053.2	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng	2	13	17			2
83	TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội	3	22	23			3
84	TL2.2.055.2	CT dân số và sức khỏe sinh sản	2	13	17			2
85	TL2.2.057.2	CTXH phòng chống tệ nạn XH & tội phạm	2	15	15			2
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			**132**					

10. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Hoc kỳ I				**17**								
Học phần bắt buộc												
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1		2	2							

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh (1)		3	3							
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2							
4	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2							
5	TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp		2	2							
6	TL2.1.028.2	Giáo dục kĩ năng sống		2	2							
7	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		2	2							
8	TL2.1.026.2	Nhập môn công tác xã hội		2	2							
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 tín chỉ)												
9	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2	2							
10	XH2.1.007.2	Lịch sử văn minh thế giới		2								
Học kỳ II				**17**								
Học phần bắt buộc												
11	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	LL2.1.001.2	3		3						
12	TN2.1.407.2	Xác suất thống kê B		2		2						
13	NN2.1.002.2	Tiếng Anh (2)	NN2.1.001.3	2		2						
14	LL2.1.008.2	Logic học đại cương		2		2						
15	TL2.1.025.2	Tâm lý học phát triển	TL2.1.001.2	2		2						
16	LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương		2		2						
Học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 tín chỉ)												
17	XH2.1.001.2	Tiếng việt thực hành		2								
18	TL2.1.095.2	Tâm lý học sáng tạo		2		2						
19	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương		2		2						
20	VD3.1.001.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2								
Giáo dục thể chất 2 (chọn 3 trong 18 tín chỉ)				*		*						
21	TC2.1.002.	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá		3								

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
	3	1)										
22	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)		3								
23	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		3								
24	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)		3								
25	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)		3								
26	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)		3								
Học kỳ III				**16**								
Học phần bắt buộc												
27	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3	2			2					
28	NN2.1.003.2	Tiếng Anh (3)	NN2.1.002.2	2			2					
29	TL2.1.022.2	Đạo đức trong công tác xã hội		2			2					
30	TL2.1.035.2	Tâm lý học dân tộc		2			2					
31	TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc		2			2					
32	TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội		2			2					
33	TL2.1.059.2	Lý thuyết trong công tác xã hội		2			2					
34	TL2.1.027.2	Chính sách xã hội		2			2					
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 12 tín chỉ)				*			*					
35	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)		2								
36	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)		2								
37	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)		2								
38	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)		2								
39	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)		2								
40	TC2.1.013.	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh		2								

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
	2	2)										
Học kỳ IV				**18**								
Học phần bắt buộc												
41	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.2	3				3				
42	TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính		2				2				
43	TL2.1.030.3	Công tác xã hội cá nhân	TL2.1.026.2	3				3				
44	TL2.1.012.2	Tâm lí học quản lí	TL2.1.021.2	2				2				
45	TL2.1.064.2	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội		2				2				
46	TL2.1.019.2	Sức khỏe cộng đồng		2				2				
47	TL2.1.043.2	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội		2				2				
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 tín chỉ)												
48	TL2.1.017.2	Giáo dục gia đình		2				2				
49	TL2.1.061.2	Tôn giáo học đại cương		2								
50	TL2.1.018.2	Tâm lí học giao tiếp xã hội		2								
Học kỳ V				**19**								
Học phần bắt buộc												
51	TL2.1.031.3	Công tác xã hội nhóm	TL2.1.026.2	3					3			
52	TL2.1.033.2	Thiết kế dự án phát triển cộng đồng	TL2.1.026.2	3					2			
53	TL2.1.036.3	Thực hành công tác xã hội cá nhân	TL2.1.030.3	3					3			
54	TL2.1.029.2	Giới và phát triển		2					2			
55	TL2.1.062.2	Tâm lý học tôn giáo		2					2			
56	TL2.1.034.3	Tham vấn trong công tác xã hội	TL2.1.026.2	3					3			
Học phần tự chọn (chọn 4 trong 6 tín chỉ)												
57	TL2.1.094.2	Tâm bệnh học		2					2			
58	TL2.1.096.2	Giáo dục đặc biệt		2					2			
59	TL2.1.090.2	Dân số và phát triển		2								
Học kỳ VI				**17**								

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
Học phần bắt buộc												
60	TL2.1.040.2	Quản trị ngành công tác xã hội	TL2.1.026.2	2						2		
61	TL2.1.023.2	Gia đình học		2						2		
62	TL2.1.037.3	Thực hành công tác xã hội nhóm	TL2.1.031.3	3						3		
63	TL2.1.049.2	Công tác xã hội trong trường học	TL2.1.031.2	2						2		
64	TL2.1.051.3	Thực tập 1		4						4		
Học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 tín chỉ)												
65	TL2.1.048.2	Công tác xã hội dân tộc thiểu số	TL2.1.001.2	2								
66	TL2.1.058.2	Hành vi con người và môi trường xã hội		2								
67	TL2.1.042.2	Công tác xã hội gia đình		2						2		
68	TL2.1.044.2	Công tác xã hội người cao tuổi	TL2.1.031.2	2						2		
Học kỳ VII				**13**								
Học phần bắt buộc												
69	TL2.1.039.2	CTXH trẻ em	TL2.1.026.2	2							2	
70	TL2.1.050.2	Công tác xã hội với người khuyết tật		2							2	
71	TL2.1.047.2	Công tác xã hội người nghèo	TL2.1.026.2	2							2	
72	TL2.1.038.3	Thực hành công tác xã hội với cộng đồng	TL2.1.033.2	3							3	
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 tín chỉ												
73	TL2.1.045.2	Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn		2							2	
74	TL2.1.005.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục		2								
Học kỳ VIII				**15**								
Học phần bắt buộc												
75	TL2.1.041.2	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TL2.1.031.3	2								2
76	TL2.1.054.3	Quản lí dự án công tác xã		3								3

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
		hội										
77	TL2.1.052.5	Thực tập 2		4								4
78	*Khóa luận tốt nghiệp*			6								6
/ Học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 8 tín chỉ)												
79	TL2.1.053.2	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng		2								2
80	TL2.1.055.2	CT dân số và sức khỏe sinh sản		2								2
81	TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội		2								
82	TL2.1.057.2	CTXH phòng chống tệ nạn XH & tội phạm		2								2
Quốc phòng – An Ninh				*								
83	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1		3								
84	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2		2								
85	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3		3								

Ghi chú: Chương trình đào tạo có khối lượng là 132 tín chỉ (Không kể giáo dục Thể chất và giáo dục Quốc phòng).

11. Mô tả nội dung các học phần

12.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung ban hành tại công văn số 2488/BGD&ĐT - ĐH&SĐH ngày 25/3/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học như: Chủ nghĩa Mác - Lênin là gì, đối tượng, mục đích, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

11.2. Tiếng Anh 1 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống.

Sinh viên được rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA;* tích luỹ khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng tiếng Anh- Nghe, Nói, Đọc, Viết tương đương trình độ đầu A2.

11.3. Tin học đại cương 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

11.4. Giáo dục Thể chất 1 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất, Y – Sinh học thể dục thể thao, chạy cự li ngắn, chạy cự li trung bình.

11.5. Kỹ năng giao tiếp 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức: Khái quát chung về Kĩ năng giao tiếp; Các Kĩ năng giao tiếp cơ bản; Kĩ năng thuyết phục, Kĩ năng thuyết trình; Kĩ năng giao tiếp thông thường; Kĩ năng tham dự phỏng vấn.

11.6. Giáo dục kỹ năng sống 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức: Những vấn đề chung về Kĩ năng sống, Các Kĩ năng sống cơ bản (Kĩ năng tự nhận thức, Kĩ năng xác định mục tiêu; Kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề; Kĩ năng ứng phó với căng thẳng; Kĩ năng tư duy tích cực; Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn, Kĩ năng làm việc nhóm; Kĩ năng quản lý thời gian)

11.7. Tâm lý học đại cương 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho người học các kiến thức về : Tâm lí học là một khoa học. Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí. Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức. Hoạt động nhận thức. Tình cảm và ý chí. Trí nhớ. Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

11.8. Nhập môn Công tác xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở khoa học của công tác xã hội. Đồng thời giới thiệu một số lĩnh vực hoạt động của công tác xã hội. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên biết về vai trò và các kỹ năng của người Nhân viên công tác xã hội, trên cơ sở đó xây dựng cho sinh viên tình yêu nghề nghiệp và mở ra những cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.

11.9. Xã hội học đại cương 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Xã hội học đại cương là một khởi đầu trong việc tiếp cận Xã hội học. Học phần cung cấp cho sinh viên các thông tin về: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của XHH; Một số khái niệm cơ bản của XHH; Một số lĩnh vực nghiên cứu của XHH; Phương pháp nghiên cứu của XHH, Cơ cấu xã hội ….

11.10. Lịch sử văn minh thế giới 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những hiểu biết về trình quá trình phát triển của văn minh phương tây, phương đông qua các thời kỳ lịch sử. những thành tựu của các nền văn minh và sự đóng góp vào nền văn minh nhân loại.

11.11. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2 3TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)

11.12. Xác suất thống kê B 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về : Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số vấn đề về thống kê toán giúp người học có khả năng vận dụng phần thống kê vào công tác kiểm tra đánh giá hoặc nghiên cứu giáo dục.

11.13. Tiếng Anh 2 2TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Sinh viên được trang bị các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Anh thông qua các chủ điểm khác nhau, đề cập tới các khía cạnh đa dạng của cuộc sống.

Sinh viên được rèn luyện, hình thành các kĩ năng tiếng Anh tương đương trình độ giữa A2.

11.14. Logic học đại cương 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Lôgic học giúp sinh viên nắm vững các quy luật lôgic của tư duy, các hình thức, các phương pháp của tư duy đúng, chính xác, cho ta phương pháp nhận thức khoa học và bác bỏ những luận điệu xảo trá, ngụy biện trong đời sống.

11.15. Tâm lý học phát triển **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Những vấn đề chung của tâm lý học phát triển (Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển; Các lý thuyết về các nhân tố và động lực của sự phát triển tâm lý ...) và các giai đoạn phát triển tâm lý con người từ khi sinh ra đến khi mất đi

11.16. Pháp luật đại cương **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

11.17. Tiếng việt thực hành **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt, cụ thể là các kĩ năng nói, nghe, đọc, viết trong điều kiện giao tiếp văn hoá; đặc biệt là kĩ năng tạo lập văn bản.

11.18. Tâm lý học sáng tạo

Học phần bao gồm 30 tiết (20 tiết lý thuyết, 10 tiết bài tập/thực hành) trang bị cho sinh viên các kiến thức về: bản chất của sáng tạo, cơ sở sinh học và xã hội của sáng tạo, các vấn đề tâm lý trong hoạt động sáng tạo (trí thông minh, tư tuy, tưởng tượng, nhân cách và động cơ sáng tạo), tâm lý học sáng tạo và cuộc sống (sáng tạo khoa học – kĩ thuạt, sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo trong cuộc sống thường ngày) và việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo.

11.19. Giáo dục học đại cương **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục; Giáo dục và sự phát triển nhân cách; Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục; Hệ thống giáo dục quốc dân.

11.20. Cơ sở văn hóa Việt Nam **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc và loại hình văn hóa… và các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam, văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay

11.21. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá; đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng bóng đá đối với người tập luyện; một số điểm trong luật bóng đá 5, 7,11 người; một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.

11.22. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng bàn; cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng; kĩ thuật líp bóng thuận tay; kĩ thuật vụt nhanh thuận tay; kĩ thuật líp bóng trái tay; kĩ thuật vụt nhanh trái; kĩ thuật gò bóng thuận (trái) tay.

11.23. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng chuyền; nguyên lí kĩ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền; kĩ thuật các động tác môn bóng chuyền.

11.24. Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông; quá trình phát triển của môn cầu lông; nguyên lí kĩ thuật cầu lông; cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kĩ thuật di chuyển; kĩ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); kĩ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; kĩ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái; kĩ thuật đập cầu thuận tay.

11.25. Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ Vovinam; kĩ thuật môn võ Vovinam.

11.26. Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chạy cự li ngắn; chạy cự li trung bình; nhảy cao; nhảy xa.

11.27. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1, 2

Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

(Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành)

11.28 Tiếng Anh 3 **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Sinh viên được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng qua các chủ đề, chủ điểm khác nhau về các khía cạnh khác nhau của đời sống văn hoá, xã hội.

Sinh viên tích luỹ khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng tiếng Anh tương đương trình độ cuối A2.

11.29. Đạo đức trong công tác xã hội **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức: Những vấn đề cơ bản về đạo đức và đạo đức trong Công tác xã hội, giúp sinh viên ý thức được vai trò, trách nhiệm đối với thân chủ, đồng nghiệp và ngành nghề của mình. Đồng thời trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc thực hiện các nguyên tắc hành động đối với từng lĩnh vực công tác xã hội cụ thể.

11.30. Tâm lý học dân tộc **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức về các hướng tiếp cận tâm lý học dân tộc trong các khoa học khác nhau, từ tâm lý học tới nhân chủng học văn hóa. Phác họa các hướng phát triển tâm lý học dân tộc, giới thiệu thành tựu của các trường phái cổ điển và mới nhất và các hướng nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu nhân cách, giao tiếp, hành vi xã hội. Những khía cạnh tâm lý xã hội của tính đồng nhất dân tộc, mối quan hệ giữa các dân tộc: định khuôn, định kiến, xung đột dân tộc, thích ứng tâm lý trong môi trường văn hóa mới. Đặc điểm tâm lý của người Việt Nam xưa và trong giai đoạn hội nhập.

11.31. Xây dựng và phát triển nhóm làm việc **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, tầm quan trọng của nhóm làm việc, các cách thức vận hành, quản lý, lãnh đạo nhóm; đồng thời trang bị các kỹ năng cụ thể trong các tình huống xây dựng và phát triển nhóm làm việc. Môn học này còn mở rộng nội dung hoạt động vận hành của nhóm trong môi trường đa văn hóa, một xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế

11.32. Tâm lý học xã hội **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm, bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội; các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội; Một số hiện tượng tâm lí xã hội cơ bản trong đời sống tập thể; Vấn đề nhân cách trong tâm lý học xã hội.

11.33. Lý thuyết trong công tác xã hội 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nêu khái quát chung về lý thuyết ứng dụng trong Công tác xã hội; đi sâu phân tích nội dung, bản chất và cách tiếp cận thân chủ theo các lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, bao gồm các Lý thuyết chung như: Lý thuyết hệ thống, lý thuyết sinh thái, lý thuyết nhu cầu, Lý thuyết về quyền con người, Lý thuyết vai trò xã hội; các Lý thuyết cá nhân như: Lý thuyết thân chủ trọng tâm, Lý thuyết phân tâm, Lý thuyết hành vi và nhân thức hành vi, Lý thuyết thay đổi; các Lý thuyết nhóm như: Lý thuyết lãnh đạo, Lý thuyết xung đột, Lý thuyết học tập và Lý thuyết trao đổi xã hội; Các Lý thuyết Tổ chức cộng đồng như Lý thuyết xung đột trong cộng đồng, Lý thuyết huy động nguồn lực, Lý thuyết hệ thống trong phát triển cộng đồng; Một số Lý thuyết quản trị được ứng dụng trong Công tác xã hội như: Lý thuyết X-Y-Z, Lý thuyết thúc đẩy nhu cầu, Lý thuyết kỳ vọng.

11.34. Chính sách xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: khái niệm, đối tượng, bản chất, chức năng và mối quan hệ của chính sách xã hội; Một số chính sách xã hội phổ biến ở Việt Nam.

10.35. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.

11.36. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lí chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn; kĩ thuật vụt nhanh thuận tay; kĩ thuật vụt nhanh trái; kĩ thuật gò bóng thuận (trái) tay; kĩ thuật giật bóng thuận (trái) tay; kĩ thuật phát bóng.

11.37. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kĩ thuật các động tác môn bóng chuyền; chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền; phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

11.38. Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kĩ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kĩ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; kĩ thuật đập cầu; kĩ thuật đánh cầu gần lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

11.39. Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lí chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vovinam; kĩ thuật môn võ Vovinam.

11.40. Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lí kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa; các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao, nhảy xa; một số điển luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa.

11.41. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam 3TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là một môn học trong hệ thống các môn lý luận chính trị. Môn học này, chủ yếu nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Đường lối đúng đắn là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới

(Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)

11.42. Tâm lý học giới tính 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Những khái niệm cơ bản về tâm lý giới tính và những đặc điểm tâm lý của nam và nữ; mối quan hệ giữa hai giới, một số vấn đề đặc thù của giáo dục giới tính…

10.43. Công tác xã hội cá nhân 3TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn công tác xã hội

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức lí luận về phương pháp, nguyên tắc và kỹ năng, tiến trình công tác xã hội cá nhân vào vận dụng thực hành nhằm trợ giúp đối tượng xã hội cụ thể.

11.44. Tâm lý học quản lý 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về tâm lí học quản lý :Những vấn đề chung về tâm lý học quản lý; Lí luận về quản lý và phong cách lãnh đạo; Một số đặc điểm tâm lý trong nhóm và tập thể; Tâm lý học quản lý trong công tác tổ chức; Tâm lý học quản lý ở trường tiểu học.

11.45. Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội, Xã hội học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong CTXH như khái niệm, đối tương, đặc điểm, mục đích, đạo đức...; quy trình và cách thức xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học qua từng bước: cách đặt vấn đề, cách xác định mục tiêu, đối tượng, khách thể, địa bàn nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu, cách chọn mẫu, các thiết kế nghiên cứu và các kỹ thuật thu thập thông tin phù hợp với thiết kế nghiên cứu, cách xây dựng kế hoạch và tổ chức nghiên cứu.

11.46. Sức khỏe cộng đồng 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Sức khỏe cộng đồng cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản chăm sóc sức khỏe cộng đồng như: Sức khỏe cộng đồng và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe; Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; Tổ chức hoạt động của tuyến y tế cơ sở và nhân viên y tế cộng đồng; Hoạt động truyền thông, giáo dục chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng; Giáo dục sức khỏe dinh dưỡng và vệ sinh môi trường; Một số bệnh phổ biến tại cộng đồng....

11.47. An sinh xã hội và những vấn đề xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về An sinh xã hội (Vị trí, vai trò, khái niệm và mối quan hệ giữa an sinh xã hội và các lĩnh vực khoa học khác; Cơ sở khoa học, quá trình hình thành và phát triển, Hệ thống bộ máy an sinh xã hội Việt Nam; Chính sách xã hội) và Những vấn đề xã hội (Khái nệm về vấn đề xã hội; Lịch sử nghiên cứu các vấn đề xã hội; Một số vấn đề về nghèo đói, thất nghiệp, quá tải dân số, ô nhiễm môi trường, sức khoẻ; Một số vấn đề về tệ nạn xã hội; Một số vấn đề về gia đình và trẻ em).

11.48. Giáo dục gia đình 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản về gia đình và giáo dục trong gia đình; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục trong gia đình; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em.

11.49. Tôn giáo học đại cương 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về các kiến thức về quan điểm của các nhà khoa học, của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, về sự hình thành, diễn biến của các hình thức tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam.

11.50. Tâm lí học giao tiếp xã hội 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về giao tiếp, hành vi, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường xã hội, các kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp.

11.51. Công tác xã hội nhóm 3TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội

Học phần giới thiệu một cách tổng thể về sự hình thành và phát triển công tác xã hội (CTXH) với nhóm. Các giá trị và nguyên tắc, vai trò, nhiệm vụ của người nhân viên công tác xã hội nhóm. Các kỹ năng và kỹ thuật áp dụng trong quá trình tiến hành

11.52.Thiết kế dự án phát triển cộng đồng 3TC

Học phần bao gồm 30 tiết (15 tiết lý thuyết, 15 tiết bài tập/thực hành) nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về: khái niệm về dự án, các yếu tố để hình thành dự án, tiến trình của một dự án, các bước thiết kế dự án: tìm hiểu thực trạng, xác định nhu cầu và mục tiêu, tìm hiểu và xác định các bên liên quan, xác định chiến lược hành động, lập kế hoạch, viết đề xuất dự án.

11.53. Thực hành công tác xã hội cá nhân 3TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội Cá nhân

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về : Công tác xã hội cá nhân chuyên nghiệp, vai trò, trách nhiệm của sinh viên, của người tham gia trong đợt thực hành, các thủ tục thực hành, thực hành tại cơ sở.

11.54. Giới và phát triển 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: khái niệm giới và giới tính, đối tượng và phương pháp nghiên cứu Xã hội học giới; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bất bình đẳng giới; vấn đề giới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

1155. Tâm lý học tôn giáo 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo; Niềm tin tôn giáo; Tình cảm tôn giáo; Vấn đề nhân cách tôn giáo; Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt.

11.56. Tham vấn trong công tác xã hội 3TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về : Khái niệm, đối tượng, mục đích, phương pháp tiếp cận trong tham vấn, một số vấn đề đạo đức trong tham vấn, các kỹ năng tham vấn cơ bản và nâng cao, các mối quan hệ và quá trình tham vấn; một số lĩnh vực tham vấn đặc thù trong công tác xã hội.

11.57. Tâm bệnh học

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm tâm bệnh học, các mối quan hệ và sự thích nghi các mối quan hệ ở con người, một số dạng rối nhiễu tâm lý thường gặp và các loại tâm pháp cơ bản trong chăm chữa đối với các đối tượng có rối nhiễu tâm lý (khái niệm về tâm lý trị liệu, những hình thức chăm chữa, những biện pháp phòng ngừa tâm bệnh lý).

11.58. Giáo dục đặc biệt 2 TC

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tâm sinh lí trẻ em và công tác chăm sóc – giáo dục trẻ đặc biệt như: giáo dục trẻ khiếm thính, trẻ khiếm thị, trẻ chậm phát triển trí tuệ; xây dựng các kế hoạch giáo dục cá nhân, can thiệp sớm cho trẻ

khuyết tật, đánh giá trẻ khuyết tật và các phương pháp nghiên cứu trong giáo dục đặc biệt.

11.59. Dân số và phát triển 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học dân số; quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số; mức sinh, mức chết và những yếu tố ảnh hưởng; di dân và đô thị hóa; dân số và nguồn lao động việc làm; dự báo dân số và chính sách dân số; dân số và các vấn đề xã hội; phụ nữ và các vấn đề dân số, phát triển kinh tế - xã hội; dân số và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

11.60. Quản trị ngành công tác xã hội 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học: Khái niệm, mục đích, vai trò của quản trị công tác xã hội; yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc hành động và quy điều đạo đức của nhà quản trị công tác xã hội; Các kiến thức về quản trị công tác xã hội ở cấp độ nhân viên và cấp độ tổ chức; các kỹ năng cơ bản của nhà quản trị công tác xã hội.

11.61. Gia đình học 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về gia đình, lịch sử nghiên cứu gia đình, các chức năng cơ bản của gia đình, quan hệ giới trong gia đình, văn hóa gia đình, bao lực gia đình và ly hôn, chính sách xã hội về gia đình.

11.62. Thực hành công tác xã hội nhóm 3TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội Nhóm

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về : Khái niệm, mục đích yêu cầu của thực hành nhóm trong CTXH nhóm. Vai trò, tiến trình, các kỹ năng cơ bản trong CTXH, những hiểu biết về cơ sở thực hành CTXH

11.63. Thực tập công tác xã hội 1 4TC

Điều kiện tiên quyết: SV học xong một số học phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành

Học phần Củng cố kiến thức công tác xã hội, chuân bị các công việc cho việc thực tập tại cơ sở cho sinh viên.

11.64. Công tác xã hội trong trường học 2TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội nhóm

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất trong công tác xã hội với môi trường học đường. Đồng thời học phần cũng chỉ ra những nhiệm vụ, yêu cầu đối với nhân viên xã hội tại trường học, qua đó định hướng cho sinh viên tích lũy, học tập những kiến thức bổ trợ phục vụ cho công tác của bản thân sau này.

11.65. Công tác xã hội dân tộc thiểu số 2TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội nhóm

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: vị trí, vai trò chức năng của công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số trong công tác xã hội nói chung, những vấn đề lý luận và phương pháp luận về công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số và các nội dung công tác xã hội đối với dân tộc thiểu số.

11.66. Hành vi con người và môi trường xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: hành vi con người, môi trường xã hội và mối quan hệ giữa chúng; các lý thuyết về hành vi con người và môi trường xã hội; vai trò của nhân viên xã hội với những vấn đề trong gia đình và ngoài xã hội; áp dụng các lý thuyết để xử lý các tình huống trong thực tiễn khi đi thực hành, thực tập về công tác xã hội.

11.67. Công tác xã hội gia đình 2TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội

Học phần bao gồm 2 chương, giới thiệu khái quát những vấn đề cơ bản về gia đình, hôn nhân, những vấn đề trong hôn nhân – gia đình và công tác xã hội với hôn nhân, gia đình.

11.68. Công tác xã hội người cao tuổi 2TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội nhóm

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản để hướng dẫn người học thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi tại cộng đồng, bao gồm đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, kết nối mạng lưới, và vận động và thực hiện các chính sách, chương trình cho người cao tuổi.

11.69. Công tác xã hội trẻ em 2TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Công tác xã hội.

Học phần bao gồm 3 chương, giới thiệu một cách tổng quát những vấn đề chung về trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; lý luận về công tác xã hội với trẻ em; phương pháp công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

10.70. Công tác xã hội với người khuyết tật 2TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội cá nhân

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm người khuyết tật; Vấn đề chăm sóc người khuyết tật; Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội với người khuyết tật

11.71. Công tác xã hội với người nghèo 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm những vấn đề chung về nghèo đói như: khái niệm, biểu hiện của nghèo đói, cách xác định chuẩn nghèo, thực trạng, nguyên nhân của nghèo đói, những đặc điểm, các vấn đề của người nghèo, ảnh hưởng của nghèo đói đến gia đình; một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam; vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo, nguyên tắc trong công tác xã hội

với người nghèo, các phương pháp và các kỹ năng cần có khi làm việc với đối tượng người nghèo.

11.72. Thực hành công tác xã hội với cộng đồng 3TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội Nhóm, Phát triển cộng đồng

Học phần củng cố cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết liên quan đến công tác xã hội cộng đồng, qua đó vận dụng các kỹ năng, phương pháp để giải quyết các vấn đề có liên quan.

11.73. Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn 2TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn công tác xã hội

Học phần trang bị cho người học một số vấn đề lý luận về lệch chuẩn và hành vi lệch chuẩn; một số phương pháp và kỹ năng công tác xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn.

11.74. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; phương pháp thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục

11.75. Kiểm huấn trong công tác xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội nhóm

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về : Khái niệm, mục đích, cơ sở kiểm huấn, mô hình, tiến trình, kỹ năng và yếu tố con người trong kiểm huấn.

11.76. Quản lý dự án công tác xã hội 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về dự án, thực hiện dự án và quản lý dự án hiệu quả, được học tập về các kỹ năng mềm trong quản lý dự án thông qua các loại hình bài tập nhóm, trò chơi đóng vai, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng lắng nghe... sinh viên cũng được cung cấp kiến thức và kỹ năng về thiết kế/ xây dựng dự án cũng như quy trình giám sát và đánh giá dự án.

11.77. Thực tập công tác xã hội 2 4TC

Điều kiện tiên quyết: SV học xong các học phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành

Thực tập là một phương thức đào tạo. Đợt thực tập 2 sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội để ứng dụng những khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và các kỹ năng đã học vào thực tiễn. Sinh viên sẽ học qua thực tập và có những kinh nghiệm thực tế với tư cách như là một nhân viên công tác xã hội tập sự.

11.78. Khóa luận tốt nghiệp 6TC

Theo quy chế ban hành tại Quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên đạt điểm học tập theo quy định của nhà trường sẽ được làm khoá luận tốt nghiệp. Những sinh viên không đủ điểm

làm khoá luận sẽ phải chọn 3 học phần tương ứng với 7 tín chỉ. Sinh viên có thể lựa chọn các học phần sau:

11.79. Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức lí luận chung về: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng; Cách thức tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng.

11.80. Công tác dân số và sức khỏe sinh sản 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: dân số, quy mô, cơ cấu và phân bố dân số; chất lượng dân số và các yếu tố ảnh hưởng; các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản; Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản; sức khỏe tình dục và kế hoạch hóa gia đình

11.81. Giáo dục và sự phát triển xã hội 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức lí luận về những vấn đề chung về giáo dục, con người xã hội và giáo dục, biến đổi xã hội và giáo dục, những khác biệt xã hội và bất bình đẳng cơ hội trong giáo dục, vấn đề giáo dục phụ nữ và thanh thiếu niên, nhi đồng trong xã hội hiện đại.

11.82. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm 2TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: một số tệ nạn xã hội hiện nay như: ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và cách phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm đó cũng như nội dung, phương pháp công tác xã hội với các đối tượng trên

11.83. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

11.84. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn

giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

11.85. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; sinh viên có kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Quy định chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công tác xã hội được xây dựng dựa trên Thông tư 10/2010/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 3 năm 2010. *Thông tư ban hành Chương trình khung Giáo dục đại học ngành Công tác xã hội trình độ đại học, cao đẳng* của Bộ GD & ĐT.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công tác xã hội được thiết kế theo hình thức tín chỉ (*Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)* và tuân thủ theo hướng dẫn số 502/HD-ĐHTTr ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc xây dựng, cập nhật, đánh giá, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học, Cao đẳng hiện đang đào tạo ngành Công tác xã hội.

- Chương trình được thiết kế theo hướng phát huy cao độ tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sau này ra trường có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành Công tác xã hội.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, Phòng, Khoa, Trung tâm, Bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Khoa, Trung tâm, Bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để phục vụ cho giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động của sinh viên, đặc biệt là hướng dẫn sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Trong đề cương chi tiết học phần, cần chú ý đến mối liên quan và sự tích hợp giữa các học phần như: Nhập môn Công tác xã hội với các học phần kiến thức chuyên ngành như Công tác xã hội cá nhân, Công tác xã hội nhóm. Đảm bảo sự liên thông giữa các học phần Thực hành công tác xã hội cá nhân, Thực hành công tác xã hội nhóm và Thực hành công tác xã hội cộng đồng... Đối với các học phần nặng về lí thuyết, cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, tính chủ động, tích cực của sinh viên. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: giáo trình, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học. Tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu, giao nhiệm vụ cho sinh viên và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm. Các học phần thực hành tại cơ sở cần có kế hoạch chi tiết, cụ thể đảm bảo yêu cầu sinh viên được học tập, nghiên cứu có hiệu quả cao trong các cơ sở bảo trợ xã hội, bệnh viện, trường học...

- Kế hoạch giảng dạy và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lí về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

12.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: (1) điểm chuyên cần, điểm đánh giá ý thức học tập và thái độ tham gia thảo luận; (2) điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm thi giữa học phần, điểm đánh giá phần thực hành (nếu có), điểm tiểu luận (nếu có); (3) điểm thi kết thúc học phần.

Điểm học phần gồm 3 điểm đánh giá bộ phận:

+ Điểm thành phần 1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%;

+ Điểm thành phần 2: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm tiểu luận, trọng số 30%;

+ Điểm thành phần 3: Điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau: Điểm học phần = 0,1 × điểm thành phần 1 + 0,3 × điểm thành phần 2 + 0,6 × điểm thành phần 3.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm các bài thực hành được tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành, sau đó được chuyển sang điểm chữ theo quy định.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

4. Thời hạn nộp điểm thành phần 1, thành phần 2: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo thời khóa biểu đã giao cho bộ môn và giảng viên dạy trong học kỳ.

12.3. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo theo học (bao gồm các học phần bắt buộc và tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu);

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định (nếu có);

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học;

f) Nộp đầy đủ học phí, kinh phí theo quy định của trường;

g) Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường đối với từng ngành cụ thể.

2. Thời gian xét tốt nghiệp do Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề xuất trên cơ sở chương trình, số lượng sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng làm Thư ký và các thành viên là các trưởng các đơn vị khoa chuyên môn, phòng Đào tạo, phòng Công tác học sinh, sinh viên.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

5. Sinh viên thuộc đối tượng hoãn công nhận tốt nghiệp một năm, khi hết thời hạn phải có đơn xin công nhận tốt nghiệp kèm theo bản kiểm điểm đánh giá những tiến bộ của bản thân và xác nhận của địa phương, nơi sinh viên về tham gia sản xuất, sinh hoạt hoặc công tác, đề nghị Hiệu trưởng xét công nhận tốt nghiệp với khóa sau. Hồ sơ xin công nhận tốt nghiệp nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước 1 tháng kể từ ngày Nhà trường xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét tốt nghiệp do cần kéo dài thời gian ở trong trường theo quy định ở khoản 3, Điều 5 phải viết đơn xin chưa xét tốt nghiệp và nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước 15 ngày trước khi Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức